

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

(Ban hành kèm theo Quyết định số 718 /QĐ-ĐT, ngày 12/3/2013
của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội)

PHẦN I. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chuyên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Kinh tế Chính trị
 - + Tiếng Anh: Political Economy
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 62 31 01 01
- Tên ngành đào tạo:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ Kinh tế Chính trị
 - + Tiếng Anh: Doctor of Philosophy in Political Economy
- Trình độ đào tạo: Tiến sĩ
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
 - + Tiếng Việt: Tiến sĩ ngành Kinh tế Chính trị
 - + Tiếng Anh: The Degree of Doctor of Philosophy in Political Economy
- Đơn vị đào tạo: Trường ĐH Kinh tế ĐHQG Hà Nội

2. Mục tiêu của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

- Chương trình được thiết kế nhằm đào tạo tiến sĩ kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị học hiện đại, đặc biệt là các lý thuyết mới, các cách tiếp cận mới đối với các vấn đề kinh tế chính trị hiện thực; có phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá các vấn đề mới trong lĩnh vực kinh tế chính trị, đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Chương trình hướng tới việc đào tạo tiến sĩ kinh tế chính trị có kiến thức chuyên sâu, có phương pháp tiếp cận mới về kinh tế chính trị học hiện đại thông qua việc nghiên

cứu, lý giải các lý thuyết mới, các cách tiếp cận kinh tế đối với các thể chế chính trị, các vấn đề kinh tế chính trị hiện thực mới nảy sinh;

- Tiến sĩ kinh tế chính trị còn có năng lực chuyên môn và kỹ năng nghiên cứu độc lập; có thể tiếp cận các vấn đề dưới góc độ kinh tế chính trị hiện đại, có thể tự tiến hành các nghiên cứu để trở thành các chuyên gia cấp cao trong việc phân tích, tư vấn, phản biện, hoạch định và thực thi chính sách kinh tế, các nhà lãnh đạo hàng đầu trong lĩnh vực kinh tế.

- Sau khi hoàn thành khóa học, tiến sĩ ngành kinh tế chính trị còn được trang bị phương pháp tư duy sáng tạo, có khả năng phát hiện, phân tích, đánh giá sự tương tác giữa các nhân tố trong lĩnh vực kinh tế chính trị, đưa ra cách tiếp cận mới, cách lý giải mới dựa trên những kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại; có khả năng viết và thuyết trình một cách khoa học, chuyên nghiệp các nghiên cứu.

3. Thông tin tuyển sinh

3.1. Hình thức tuyển sinh:

3.1.1. *Đối tượng từ thạc sĩ:* xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của ĐHQGHN

3.1.2. *Đối tượng từ cử nhân:* kết hợp thi tuyển và xét hồ sơ chuyên môn

- Môn thi Cơ bản: Triết học Mác - Lê Nin
- Môn thi Cơ sở: Lịch sử các học thuyết kinh tế
- Môn Ngoại ngữ: Tiếng Anh (theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội)
- Xét hồ sơ chuyên môn theo quy định của Đại học quốc gia Hà Nội.

3.2. Đối tượng tuyển sinh

3.2.1. *Về văn bằng và công trình đã công bố:*

Đạt một trong những yêu cầu sau:

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị hoặc phù hợp hoặc gần chuyên ngành kinh tế chính trị.

- Có bằng thạc sĩ chuyên ngành khác và có bằng tốt nghiệp đại học chính quy ngành kinh tế chính trị hoặc phù hợp với chuyên ngành kinh tế chính trị. Trường hợp này thí sinh phải có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi và phải theo chế độ đối với người chưa có bằng thạc sĩ.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành kinh tế loại giỏi trở lên và có ít nhất một bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

- Có bằng tốt nghiệp đại học hệ chính quy ngành kinh tế, loại khá và có ít nhất hai bài báo công bố trên tạp chí khoa học hoặc tuyển tập công trình hội nghị khoa học trước khi nộp hồ sơ dự thi.

- Nội dung các bài báo phải phù hợp với chuyên ngành kinh tế chính trị.

3.2.2. Về kinh nghiệm công tác:

- Người dự thi vào chương trình đào tạo tiến sĩ cần có ít nhất 2 năm làm việc chuyên môn trong lĩnh vực của chuyên ngành đăng ký dự thi (tính từ ngày ký quyết định công nhận tốt nghiệp đại học đến ngày nhập học), trừ trường hợp được chuyển tiếp sinh..

3.3. Danh mục các chuyên ngành phù hợp, chuyên ngành gần:

TT	Tên gọi	Ghi chú
1	Kinh tế học	
2	Lịch sử kinh tế	
3	Kinh tế đầu tư	
4	Kinh tế phát triển	
5	Kinh tế quốc tế	
6	Chính trị học	
7	Luật kinh tế	
8	Tài chính - Ngân hàng	
9	Bảo hiểm	
10	Kế toán - Kiểm toán	
11	Kinh doanh thương mại	
12	Chính sách công	
13	Quản lý công	
14	Quản lý kinh tế	
15	Quản trị kinh doanh	
16	Quản trị nhân lực	

3.4. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 5 NCS/năm

PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức

1.1. Kiến thức chung trong ĐHQGHN (đối với NCS từ cử nhân)

Người học nắm vững thế giới quan, phương pháp luận triết học Mác – Lênin; có kiến thức cơ bản về ngoại ngữ (tiếng Anh) và sử dụng được những kiến thức nói trên trong học tập, nghiên cứu và tác nghiệp.

1.2. Kiến thức nhóm chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Hiểu và vận dụng được các kiến thức thuộc nhóm chuyên ngành kinh tế vào việc nghiên cứu, tiếp cận thực tiễn và các học phần chuyên ngành thông qua các học phần như Lý thuyết kinh tế học vi mô, Lý thuyết kinh tế học vĩ mô, Chính trị và phát triển hay Môi trường và phát triển...

1.3. Kiến thức chuyên ngành (đối với NCS từ cử nhân)

Hiểu và áp dụng được các kiến thức chuyên sâu về kinh tế chính trị hiện đại, nắm bắt được các kỹ năng, phương pháp phân tích, các cách tiếp cận cốt lõi của khoa học kinh tế chính trị để lập luận, phân tích đánh giá, vận dụng vào thực tiễn công việc thông qua các học phần như Kinh tế chính trị của sự phát triển, Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế, Môi trường và phát triển, Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước đang phát triển, Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức, Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người, Khu vực kinh tế công và các vấn đề về kinh tế chính trị ở Việt Nam...

1.4. Kiến thức học phần và chuyên đề tiến sĩ

- Dựa trên các kiến thức nền tảng đã tích lũy được, nghiên cứu sinh sẽ tiếp tục được trang bị, hiểu và vận dụng được các kiến thức chuyên sâu, các lý thuyết mới về kinh tế chính trị, các cách tiếp cận đa chiều về các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại như kinh tế chính trị học hành vi, phân tích kinh tế đối với các thể chế chính trị, chính trị và các tổ chức, kinh tế chính trị học phát triển, các mô hình ra quyết định của chính phủ, các vấn đề về kinh tế chính trị Việt Nam ...

1.5. Yêu cầu đối với luận án

- Luận án phải là công trình nghiên cứu khoa học độc lập, có đóng góp mới cho việc giải quyết vấn đề khoa học, lí luận hoặc thực tiễn đang đặt ra, góp phần xây dựng, hình thành khung lí thuyết mới, hệ tư tưởng mới phù hợp với chuyên ngành Kinh tế chính trị.

- Đề tài luận án phải được tiểu ban chuyên môn thông qua trong quy trình xét tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ, được thủ trưởng đơn vị đào tạo ra quyết định giao đề tài và người hướng dẫn. Nghiên cứu sinh phải trình bày nội dung, kế hoạch nghiên cứu trước đơn vị chuyên môn chậm nhất 3 tháng sau khi nhận đề tài luận án và báo cáo kết quả nghiên cứu 6 tháng 1 lần trong thời gian thực hiện luận án. Kết quả đánh giá báo cáo là điều kiện để xem xét việc đề nghị cho bảo vệ luận án;

- Kết quả nghiên cứu trong luận án phải là kết quả lao động của chính tác giả thu được chủ yếu trong thời gian đào tạo. Nếu sử dụng kết quả, tài liệu của người khác (bảng, biểu, công thức, đồ thị cùng những tài liệu khác) thì phải được tác giả đồng ý và trích dẫn tường minh. Nếu luận án là công trình khoa học hoặc một phần công trình khoa học của một tập thể trong đó tác giả đóng góp phần chính thì phải xuất trình các văn bản thể hiện sự nhất trí của các thành viên trong tập thể đó cho tác giả sử dụng kết quả chung của tập thể để viết luận án;

- Luận án phải là một công trình nghiên cứu khoa học sáng tạo của chính nghiên cứu sinh, có đóng góp về mặt lí luận và thực tiễn trong lĩnh vực nghiên cứu hoặc giải pháp mới có giá trị trong việc phát triển, gia tăng tri thức khoa học của lĩnh vực Kinh tế chính trị, giải quyết sáng tạo các vấn đề của ngành Kinh tế chính trị hay thực tiễn kinh tế - xã hội.

- Luận án có khối lượng không quá 150 trang A4, không kể phụ lục, trong đó có ít nhất 50% số trang trình bày kết quả nghiên cứu và biện luận của riêng nghiên cứu sinh theo cấu trúc: Phần mở đầu, Tổng quan về vấn đề nghiên cứu, nội dung, kết quả nghiên cứu, kết luận và khuyến nghị, danh mục các công trình công bố kết quả nghiên cứu của đề tài, luận án, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục (nếu có). Bản tóm tắt luận án có khối lượng không quá 24 trang A5 phản ánh trung thực kết cấu, bố cục và nội dung của luận án, phải ghi đầy đủ toàn văn kết luận của luận án. Bản thông tin luận án khoảng 3 đến 5 trang (300 đến 500 chữ) bằng tiếng Việt và tiếng Anh trình bày những nội dung cơ bản, những nội dung mới và những đóng góp quan trọng nhất của luận án.

- Thể hiện được hiểu biết sâu sắc về kiến thức và phương pháp nghiên cứu chuyên ngành trong việc giải quyết đề tài nghiên cứu cụ thể.

- Kết quả luận án có giá trị đối với lĩnh vực Kinh tế chính trị, về lí thuyết khoa học cũng như thực tiễn, tạo dựng các giá trị bền vững thông qua hoạt động của người học.

1.6. Yêu cầu về số lượng và chất lượng của công trình khoa học sẽ công bố

Trước khi đăng ký bảo vệ Luận án cấp cơ sở, nghiên cứu sinh phải có ít nhất 02 bài báo thể hiện được các kết quả nghiên cứu của đề tài Luận án được công bố trên tạp chí khoa học của ĐHQGHN, các tạp chí khoa học có uy tín cấp quốc gia, quốc tế hoặc trong các tuyển tập công trình (có phản biện) của Hội nghị khoa học cấp quốc gia, quốc tế được xuất bản chính thức trong thời gian đào tạo. Tạp chí khoa học phải có trong danh sách tạp chí được hội đồng chức danh Giáo sư nhà nước công nhận và tính điểm.

2. Về kĩ năng

2.1. Kĩ năng cứng

- Hiểu và vận dụng được các kỹ năng phát hiện, phân tích, đánh giá, dự báo, phân biện và tư vấn giải pháp cho các vấn đề kinh tế dựa trên những luận cứ chuyên sâu về kinh tế chính trị; đặc biệt, người học có thể tự nghiên cứu, tìm ra cách tiếp cận mới,

tương quan mới, cách phân tích lý giải, giải quyết mới đối với các vấn đề lý thuyết và thực tiễn trong lĩnh vực kinh tế chính trị.

- Hiểu và áp dụng thành thạo kỹ năng tư duy hệ thống, phương pháp liên ngành, có cách tiếp cận riêng biệt từ góc nhìn của kinh tế chính trị hiện đại;

- Nắm bắt, vận dụng được kỹ năng tự nghiên cứu cao, biết tìm ra cách thức mới hay biết vận dụng các kiến thức, các kỹ năng vào nhận diện và đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề kinh tế xã hội nảy sinh trên thực tế đặc biệt để chủ động đàm phán giải quyết xung đột giữa các nhóm lợi ích.

2.2. Kỹ năng mềm

- Hiểu và vận dụng thành thạo kỹ năng nghiên cứu độc lập, tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu.

- Nắm bắt và áp dụng tốt kỹ năng viết và thuyết trình, giảng giải các nghiên cứu kinh tế một cách chuyên nghiệp.

- Giao tiếp tốt bằng tiếng Anh trong công việc, học tập, nghiên cứu và trao đổi (đạt chuẩn B2 của Khung tham chiếu Châu Âu chung tương đương 5.0 IELTS, hoặc 500 TOEFL).

- Biết phác thảo mô hình phân tích, phân tích định lượng dựa trên các phần mềm thống kê như SPSS, Eviews hoặc STATA...

3. Về năng lực

3.1. Những ví trí công tác mà người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp:

- Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, tư vấn về kinh tế

- Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao

3.2. Yêu cầu kết quả thực hiện công việc

Nhóm 1: Chuyên gia phân tích, tư vấn về kinh tế: Tiến sĩ kinh tế chính trị có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng và khả năng tư duy độc lập để có thể làm việc với tư cách là các chuyên gia có trình độ cao trong việc phân tích đánh giá, phản biện và tư vấn, hoạch định chính sách công; chuyên viên tư vấn giám sát việc triển khai các quyết định quản lý... trong nhiều tổ chức kinh tế xã hội khác nhau bao gồm cả các tổ chức quốc tế;

Nhóm 2: Nghiên cứu viên và giảng viên kinh tế có trình độ cao: Tiến sĩ kinh tế chính trị có khả năng tự nghiên cứu và giảng dạy có chất lượng cao, sáng tạo tại các cơ sở nghiên cứu, cơ sở giáo dục đại học khối ngành kinh tế; có thể trở thành nghiên cứu viên, giảng viên cao cấp tham gia nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề kinh tế chính trị hiện đại, kinh tế chính trị quốc tế; phân tích và hoạch định chính sách công...

4. Về phẩm chất đạo đức:

4.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

- Biết chủ động sáng tạo tìm tòi cách tiếp cận mới trong xử lý tình huống; biết lắng nghe, phân tích và phản biện theo cách tiếp cận mới, riêng có.

4.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

- Hiểu và vận dụng được tính chuyên nghiệp cao trong công việc; dám chịu trách nhiệm và tự tin giải quyết công việc dựa trên các phân tích khoa học.

4.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

- Hiểu được trách nhiệm xã hội cao; biết chủ động đề xuất các giải pháp mới khoa học để xử lý các tình huống kinh tế xã hội phát sinh.

PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo:

1.1. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng hoặc phù hợp

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 90 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

+ Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ

+ Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ

- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ chuyên ngành gần

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 98 tín chỉ, trong đó:

- Các học phần bổ sung kiến thức: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ

+ Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ

• Bắt buộc: 6 tín chỉ

• Tự chọn: 2 tín chỉ

+ Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ

- + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
- + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

1.3. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 126 tín chỉ, trong đó:

- Khối kiến thức bổ sung: 36 tín chỉ
 - + Khối kiến thức chung (bắt buộc): 7 tín chỉ
 - + Khối kiến thức nhóm chuyên ngành: 11 tín chỉ
 - Bắt buộc: 9 tín chỉ
 - Tự chọn: 2/6 tín chỉ
 - + Khối kiến thức chuyên ngành: 18 tín chỉ
 - Bắt buộc: 12 tín chỉ
 - Tự chọn: 6/12 tín chỉ
- Các học phần, chuyên đề tiến sĩ và tiểu luận tổng quan: 20 tín chỉ
 - + Các học phần tiến sĩ: 8 tín chỉ
 - Bắt buộc: 6 tín chỉ
 - Tự chọn: 2 tín chỉ
 - + Tiếng Anh học thuật nâng cao: 4 tín chỉ
 - + Chuyên đề tiến sĩ: 6 tín chỉ
 - + Tiểu luận tổng quan: 2 tín chỉ
- Luận án tiến sĩ: 70 tín chỉ

2. Khung chương trình đào tạo

2.1. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành đúng hoặc phù hợp

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
I.1	Các học phần tiến sĩ		8				
I.1.1	Các học phần bắt buộc		6				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
1	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
2	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	2	20	10	0	
3	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại	2	20	10	0	
I.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
4		Học phần tự chọn	2				
I.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
5	PEC 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
I.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
6	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
7	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
8	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
I.4	Tiểu luận tổng quan		2				
II	PHẦN 2. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
III	PHẦN 3. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
9	PEC 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			90				

2.2. Khung chương trình dành cho nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ ngành gần

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Học phần bắt buộc		6				
1	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	3	30	15	0	
2	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển	3	30	15	0	
I.2	Học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
3		Học phần tự chọn	2				
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiến sĩ		8				
II.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
4	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
5	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	2	20	10	0	
6	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại	2	20	10	0	
II.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
7		Học phần tự chọn	2				
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao						
8	PEC 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
II.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
9	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
10	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
11	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
12	BSA 9001	Luận án tiến sĩ	70				
Tổng cộng			98				

2.3. Khung chương trình dành cho NCS chưa có bằng thạc sĩ

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
I	PHẦN 1. KHỐI KIẾN THỨC BỔ SUNG						
I.1	Khối kiến thức chung		7				
1	CTP 5001	Triết học	3	45	0	0	
2	ENG 5001	Tiếng Anh cơ bản	4	30	30	0	
I.2	Khối kiến thức nhóm chuyên ngành		11				
I.2.1	Các học phần bắt buộc		9				
3	ENG 6001	Tiếng Anh học thuật	3	30	15	0	ENG5001

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
4	INE 6001	Thiết kế nghiên cứu luận văn	2	20	10	0	
5	INE 6005	Lý thuyết kinh tế vi mô	2	20	10	0	
6	INE 6003	Lý thuyết kinh tế vĩ mô	2	20	10	0	
I.2.2	Các học phần tự chọn		2/6				
7	PEC 6001	Chính trị và phát triển	2	20	10	0	
8	INE 6040	Môi trường và phát triển	2	20	10	0	
9	PEC 6003	Công nghiệp hóa ở các nước đang phát triển	2	20	10	0	
I.3	Khối kiến thức chuyên ngành		18				
I.3.1	Các học phần bắt buộc		12				
10	PEC 6004	Lịch sử các học thuyết kinh tế nâng cao	3	30	15	0	
11	PEC 6005	Kinh tế chính trị Mác-xít	3	30	15	0	
12	PEC 6006	Kinh tế chính trị của sự phát triển	3	30	15	0	
13	PEC 6007	Kinh tế chính trị Việt Nam	3	30	15	0	
I.3.2	Các học phần tự chọn		6/12				
14	PEC 6008	Toàn cầu hóa và kinh tế chính trị quốc tế	2	20	10	0	INE 6003
15	PEC 6009	Nghèo đói, bất bình đẳng và chính phủ ở các nước kém phát triển	2	20	10	0	PEC 6006
16	PEC 6010	Nông nghiệp trong phát triển kinh tế	2	20	10	0	
17	PEC 6011	Tăng trưởng phát triển và sự chuyển đổi kinh tế	2	20	10	0	PEC 6006
18	PEC 6013	Kinh tế chính trị về nền kinh tế tri thức	2	20	10	0	
19	PEC 6014	Tăng trưởng kinh tế và phát triển con người	2	20	10	0	
II	PHẦN 2. CÁC HỌC PHẦN, CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ VÀ TIỂU LUẬN TỔNG QUAN						
II.1	Các học phần tiến sĩ		8				

STT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
II.1.1	Các học phần bắt buộc		6				
20	INE 8001	Phương pháp nghiên cứu định lượng	2	20	10	0	
21	PEC 8001	Phân tích kinh tế về các thể chế chính trị	2	20	10	0	
22	PEC 8002	Kinh tế chính trị hiện đại	2	20	10	0	
II.1.2	Các học phần tự chọn Giáo viên hướng dẫn chọn 01 môn học trong khối kiến thức nhóm chuyên ngành hoặc chuyên ngành của chương trình đào tạo thạc sĩ chuyên ngành Quản trị kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng, Kinh tế quốc tế, Kinh tế chính trị, Quản lý kinh tế của Trường Đại học Kinh tế, ĐHQGHN		2				
23		Học phần tự chọn	2				
II.2	Ngoại ngữ học thuật nâng cao		4				
24	PEC 8101	Tiếng Anh học thuật nâng cao	4	0	0	60	
II.3	Các chuyên đề tiến sĩ		6				
25	PEC 8003	Chuyên đề tự chọn 1	2	0	0	30	
26	PEC 8004	Chuyên đề tự chọn 2	2	0	0	30	
27	PEC 8005	Chuyên đề tự chọn 3	2	0	0	30	
II.4	Tiểu luận tổng quan		2				
III	PHẦN 3. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC (NCS xây dựng kế hoạch nghiên cứu, tổ chức triển khai và công bố các công trình nghiên cứu liên quan đến luận án trên các tạp chí chuyên ngành dưới sự hướng dẫn của giáo viên hướng dẫn)						
IV	PHẦN 4. LUẬN ÁN TIẾN SĨ						
28	PEC 9001	Luận án tiến sĩ	70				
		Tổng cộng	126				